

Số: 1012 /BC-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2021

## BÁO CÁO TÓM TẮT

### Tổng kết 5 năm thực hiện các đề án của Sở Giáo dục và Đào tạo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 15/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025; Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang (GDĐT) xây dựng Báo cáo tổng kết (Bản tóm tắt) 02 Đề án: (1) Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020"; (2) Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020", cụ thể như sau:

#### Phần I

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

#### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020"

Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt (%)	Ghi chú (Đạt/chưa đạt/vượt)
1.1. Chỉ tiêu 1: Đào tạo mới 1290 sinh viên	80,15	Chưa đạt
1.2. Chỉ tiêu 2: Đào tạo lại 700 giáo viên	27,57	Chưa đạt
1.3. Chỉ tiêu 3: Đào tạo nâng chuẩn 5.147 viên chức	40,2	Chưa đạt
1.4. Chỉ tiêu 4: Bồi dưỡng lý luận chính trị cho 1.495 viên chức	60,09	Chưa đạt
1.5. Chỉ tiêu 5: Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về giáo dục cho 606 viên chức	81,02	Chưa đạt
1.6. Chỉ tiêu 6: Bồi dưỡng kiến thức Tin học 4.424 viên chức	80,65	Chưa đạt
1.7. Chỉ tiêu 7: Bồi dưỡng kiến thức Ngoại ngữ cho 6.077 viên chức	69,54	Chưa đạt
1.8. Chỉ tiêu 8: Bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán, chuyên sâu 500 viên chức 2348 viên chức	469,6	Vượt

1.9. Chỉ tiêu 9: Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp 9.037 viên chức	94,66	Chưa đạt
1.10. Chỉ tiêu 10: Bồi dưỡng thường xuyên	99,53	Chưa đạt
1.11. Chỉ tiêu 11: Phát triển Đảng viên trong trường học đạt 50% tổng số CC,VC.	63,64	Vượt
1.12. Chỉ tiêu 12: Tinh giản biên chế 1.606 người	100,8	Vượt

**2. Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020"**

Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể	Kết quả đạt (%)	Ghi chú (Đạt/chưa đạt/vượt)
<b>2.1. Trường chuẩn quốc gia.</b>		
- Chỉ tiêu: Giai đoạn 2016-2020 có thêm 188 trường ở các cấp học đạt chuẩn quốc gia, 5 năm qua công nhận mới được 118 trường. Chia ra:	62,77	Chưa đạt
+ Mầm non: Chỉ tiêu có thêm 76 trường, thực hiện 34 trường.	44,74	Chưa đạt
+ Tiểu học: Chỉ tiêu có thêm 67 trường, thực hiện 45 trường.	67,16	Chưa đạt
+ Trung học cơ sở (có Tiểu học): Chỉ tiêu có thêm 30 trường, thực hiện 27 trường.	90	Chưa đạt
+ Trung học phổ thông: Chỉ tiêu có thêm 15 trường, thực hiện công nhận mới 12 trường.	80	Chưa đạt
<b>2.2. Trường trọng điểm</b>		
Chỉ tiêu xây dựng 51 trường trọng điểm. Mỗi huyện, thị xã mỗi cấp học ít nhất 01 trường, thành phố Rạch Giá mỗi cấp học ít nhất 03 trường. Thực hiện 35 trường.	68,62	Chưa đạt
<b>2.3. Trường chuyên biệt.</b>		
2.3.1. Chỉ tiêu: Mở rộng diện tích, nâng cấp trường chuyên Huỳnh Mãn Đạt. Thực hiện thương lượng hộ dân trong khu vực, mở rộng khuôn viên trường.	Đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu
2.3.2. Chỉ tiêu 100 % trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh huyện đạt chuẩn quốc gia (6	50%	Chưa đạt

trường). Thực hiện 03 trường.		
-------------------------------	--	--

## II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN

### 1. Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020"

#### 1.1. Mặt làm được:

- Sở GDĐT đã phối hợp với Sở Nội vụ khảo sát, tổng hợp tình hình quản lý và sử dụng biên chế của các đơn vị sự nghiệp trong tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện đề án từng năm trên cơ sở báo cáo của các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Sự vận dụng linh hoạt của lãnh đạo Sở và các đơn vị trong thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu của đề án vào các hoạt động của ngành, của đơn vị nên một số chỉ tiêu của đề án thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch đề ra (công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán, chuyên sâu vượt 369,6%; công tác phát triển đảng viên trong trường học vượt 13,64%; tinh giản biên chế vượt 0,8%). Bên cạnh đó, mặc dù công tác đào tạo nâng chuẩn chưa đạt yêu cầu (đạt 40,2%) nhưng chỉ tiêu đào tạo sau đại học từ 2016 đến 2020 đạt 349 viên chức (kế hoạch là 241 người), vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra 108 người.

- Nhận thức của đội ngũ viên chức về vai trò, tầm quan trọng của việc tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động quản lý và giảng dạy ngày càng được nâng cao.

- Việc triển khai thực hiện Đề án đã và đang góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh với nhiều chỉ số phát triển ổn định, bền vững (tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm ở mức khá cao, năm sau cao hơn năm trước; tỉ lệ học sinh tham gia thi HSG quốc gia cấp THPT đạt giải có tăng; số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, cấp tỉnh tăng nhiều so với lần thi trước đó,...), đây là một trong những điều kiện thuận lợi và tiền đề cơ bản để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục và đào tạo.

#### 1.2. Nguyên nhân mặt làm được:

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chính quyền địa phương cùng với sự tích cực, chủ động của lãnh đạo ngành và đơn vị.

- Việc cụ thể hóa đề án thành Kế hoạch thực hiện ngay sau khi đề án được phê duyệt; việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết kết quả thực hiện hàng năm; sự phân công, phối hợp giữa các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

- Việc xây dựng các mục tiêu của Đề án là đúng đắn, kịp thời và phù hợp xu thế phát triển của xã hội, do đó đã được đội ngũ viên chức tích cực hưởng ứng với sự quyết tâm, nỗ lực tự học tập để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của ngành.

- Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, theo chủ trương phải đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn trước khi thực hiện áp dụng thay sách giáo khoa theo quy định.

### 1.3. Hạn chế:

- Mặc dù có nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, song công tác đào tạo nâng chuẩn chưa đạt yêu cầu (đạt 40,2%); việc đào tạo lại giáo viên (âm nhạc, giáo dục quốc phòng, y tế học đường, văn thư, thiết bị....) đạt tỉ lệ 27,57%); bồi dưỡng lý luận chính trị còn thấp (đạt 60,09%); bồi dưỡng ngoại ngữ đạt 69,54% so chỉ tiêu đề ra.

- Công tác phối hợp chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu của đề án giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với cấp huyện thiếu tính chặt chẽ, chưa quyết liệt. Chưa xây dựng quy chế phối hợp thực hiện giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với UBND cấp huyện trong thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển giáo dục theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

- Nguồn kinh phí chi cho việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án chưa đảm bảo, dẫn đến chất lượng và hiệu quả thực hiện một số nhiệm vụ không đạt so yêu cầu kế hoạch đề ra.

### 1.4. Nguyên nhân hạn chế:

- Do không có nguồn kinh phí riêng để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo theo Đề án, chủ yếu thực hiện lồng ghép từ nguồn kinh phí cấp cho hoạt động thường xuyên hàng năm của đơn vị.

- Một số chủ trương, chính sách và sự chỉ đạo của ngành có sự thay đổi (dùng hình thức đào tạo từ xa; tạm ngưng chỉ tiêu đào tạo giáo viên TH, THCS do thừa, thiếu giáo viên cục bộ; thi thăng hạng thay cho xét chuyển loại như đã từng thực hiện,...), làm ảnh hưởng chỉ tiêu, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

- Việc giao thẩm quyền cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đối với các trường Đại học (cả nước có lúc chỉ có 11 trường Đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ) làm ảnh hưởng đến việc tham gia dự thi cấp chứng chỉ của giáo viên.

- Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, chính quyền địa phương cấp huyện là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành, theo phân cấp quản lý hiện nay, khoảng 85% nhân sự, 91% các cơ sở giáo dục của ngành đều do cấp huyện trực tiếp quản lý, chính vì thế, vai trò chủ động của UBND cấp huyện và Phòng GDĐT trong công tác tham mưu, hoạch định để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án giữ vai trò rất quan trọng.

- Một số địa phương, nhà trường chưa thật sự quyết tâm, chưa sâu sát trong việc chỉ đạo, thực hiện việc sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp

học, điểm lẻ; chưa quan tâm đúng mức đến xây dựng kế hoạch dài hạn của đơn vị.

- Một bộ phận cán bộ quản lý giáo dục chưa chủ động làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền địa phương trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; từng lúc, từng nơi công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chưa được quan tâm đúng mức, chưa chú trọng đến chất lượng; một số giáo viên còn hạn chế về ngoại ngữ, tin học, năng lực chuyên môn, chậm trong đổi mới phương pháp quản lý và dạy học.

## **2. Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020"**

### **2.1. Mặt làm được:**

Trong 05 năm (2016-2020) việc thực hiện Đề án về trường chuẩn quốc gia của tỉnh đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tiến trình đổi mới và hội nhập. Khẳng định sự nghiệp giáo dục và đào tạo Tỉnh nhà đang trên đà phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả về quy mô, số lượng và chất lượng.

Quy mô, mạng lưới trường, lớp được quy hoạch cơ bản ổn định, tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em trong tỉnh. Hệ thống các trường mầm non công lập, tư thục, các trường phổ thông được đầu tư theo hướng hiện đại.

Cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng đầu tư và từng bước tăng cường theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa. Đầu tư cơ sở vật chất là nội dung có ảnh hưởng đến kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có nhận thức cao về nhiệm vụ và trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết không quản ngại khó khăn để huy động, duy trì số lượng học sinh và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp học ngày càng tăng. Cán bộ quản lý năng động, linh hoạt, sáng tạo trong công tác tham mưu, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Công tác quản lý, kỷ cương trường học được nâng cao. Việc đổi mới phương pháp quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ngày càng hiệu quả. Vai trò lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng có nhiều chuyển biến tích cực; ý thức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên được nâng lên; công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức có chuyển biến, quyết tâm hơn; kinh phí thực hiện đề án cũng được quan tâm, lòng ghep để thực hiện.

Công tác xã hội hóa giáo dục từng bước được đẩy mạnh. Nhận thức của cấp ủy chính quyền địa phương và nhân dân về mục đích và ý nghĩa, vai trò và nhiệm vụ trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường trọng điểm có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các nguồn lực huy động hỗ trợ cho giáo dục được sử dụng có hiệu quả và tác động tích cực cho đơn vị trường học.

Các trường học đã triển khai thực hiện đầy đủ, đạt chất lượng trong các hoạt động giáo dục, các cuộc vận động và các phong trào thi đua. Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các cấp học ổn định, củng cố và phát triển toàn diện, đạt kết quả cao, góp phần không nhỏ vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội và phát triển đi lên của tỉnh, đất nước trong đổi mới, hội nhập.

Các trường đạt chuẩn quốc gia đã khẳng định được chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các bậc phụ huynh học sinh cũng như toàn xã hội.

## 2.2. Nguyên nhân mặt làm được:

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là một trong các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra. Những năm vừa qua với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể, các địa phương, ngành giáo dục và đào tạo đã đạt được nhiều kết quả trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm. Công tác này đã góp phần mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho học sinh và cộng đồng.

## 2.3. Hạn chế:

Nhìn chung, khó khăn trong quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia của các địa phương chủ yếu là thiếu đội ngũ, thiếu cơ sở vật chất. Ngân sách đầu tư cho xây dựng mới và duy trì các trường chuẩn quốc gia còn hạn chế, số trường cần duy trì chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục và đào tạo.

Quy đất để mở rộng diện tích cho các trường đạt chuẩn tối thiểu theo quy định gặp khó khăn, nhất là ở địa bàn đô thị, nên nhiều trường quy mô nhỏ, diện tích chật hẹp nhưng không thể mở rộng thêm.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên chưa đồng bộ ở một số cấp học nên việc nâng cao chất lượng toàn diện theo hướng đổi mới chưa đạt hiệu quả tối ưu. Đội ngũ thư viện, thiết bị, văn phòng còn thiếu theo yêu cầu.

Phối hợp với các ban ngành liên quan trên địa bàn có lúc có nơi chưa được đồng bộ, dẫn đến chưa huy động được tối đa sự tham gia của xã hội, của cộng đồng cho giáo dục đào tạo.

Công tác rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp học theo hướng tăng quy mô, xây dựng trường chuẩn quốc gia, giảm dần các điểm nhỏ lẻ, lớp ghép được thực hiện. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp khó khăn về kinh phí thực hiện. (Kinh phí bồi hoàn, giải tỏa, đầu tư xây mới nhà học, nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, sân chơi bãi tập....)

Việc triển khai quy trình, thủ tục để được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở một số Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa làm chuyển biến đến tận Hiệu trưởng và giáo viên của trường trong Đề án. Một số trường, nhất là tập thể lãnh đạo nhà trường chưa phát huy trách nhiệm, có dấu hiệu ngán ngại không phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn.

Quá trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần có sự đầu tư đồng bộ giữa chất lượng chăm sóc, chất lượng về môi trường, diện tích đất, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên... trong khi nguồn vốn đầu tư chưa được phân bổ riêng mà chỉ lồng ghép với các chương trình dự án khác. Nhiều cơ chế chính sách còn ràng buộc chưa có giải pháp hữu hiệu để đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

Việc phối, kết hợp với các ban ngành liên quan ở từng địa bàn có lúc có nơi chưa đồng bộ, chưa cụ thể, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo điều hành. Nhiều trường sau khi đã được công nhận chưa có kế hoạch duy trì và nâng lên mức độ theo Thông tư 17,18,19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có trường đã quá 5 năm chưa đề nghị công nhận lại.

#### 2.4. Nguyên nhân hạn chế:

Việc chỉ đạo thực hiện Đề án chưa quyết liệt và chưa thường xuyên liên tục. Còn một số bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên chưa quyết tâm việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Một số cán bộ lãnh đạo giáo dục huyện chưa quan tâm trong thực hiện Đề án.

Một số cán bộ lãnh đạo địa phương chưa thật sự quyết tâm, chưa ưu tiên đầu tư các nguồn lực, từ đó chưa tương xứng với mục tiêu, lộ trình của Đề án.

Xu thế phụ huynh, ai cũng muốn cho con học trường có chất lượng, nên gặp khó cho những trường quá sĩ số học sinh cho một lớp học, thiếu diện tích đất theo tiêu chuẩn, nhất là các trường thuộc địa bàn trung tâm thành phố, trung tâm thị trấn.

Thông tư số 17,18,19/TT-BGDĐT còn mới mẻ, cán bộ quản lý còn lúng túng, nhất là ở cơ sở trường học. Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng vẫn còn chậm và gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở vật chất, diện tích đất. Bên cạnh đó, việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của ngành gặp khó khăn do quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học là "Trường có không quá 30 lớp

thì mới đảm bảo trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1" nhưng hiện tại số trường tiểu học của huyện nằm trong lộ trình công nhận đạt chuẩn quốc gia có số lớp từ 37 đến 41 lớp.

Thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cũng là thực hiện thực hiện tiêu chí về giáo dục trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong khi đó, việc giải quyết vướng mắc về kinh phí đầu tư đều nằm ngoài khả năng của ngành giáo dục.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Mặt làm được:

Về cơ bản, trong điều kiện khó khăn về kinh phí, nhiều mục tiêu của đề án đã đạt được; có chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra (chỉ tiêu về bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán, chuyên sâu), cụ thể:

Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020", nội dung trọng tâm mà Đề án xác định là: chú trọng đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ giáo viên có chất lượng; tăng cường đào tạo sau đại học. Tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức như quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, ... cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Sau hơn 04 năm thực hiện Đề án, Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch đào tạo; tổ chức bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục một cách hợp lý; từng bước nâng chuẩn đội ngũ nhà giáo, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020" với mục tiêu nhằm tạo điều kiện căn bản để làm chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện thắng lợi các mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới. Qua thực hiện Đề án mặc dù còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt như kỳ vọng nhưng nhìn tổng thể mạng lưới trường, lớp phát triển mạnh, tạo cơ hội và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em trong tỉnh; cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng đầu tư và từng bước tăng cường theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa; trường đạt chuẩn quốc gia tăng lên từng năm, năm sau cao hơn năm trước. Các trường đạt chuẩn quốc gia đã khẳng định được chất lượng giáo dục, tạo được uy tín và niềm tin đối với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các bậc phụ huynh học sinh cũng như toàn xã hội.



## 2. Nguyên nhân làm được

Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 10-02-2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thực hiện các Đề án.

Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp; sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các Đề án; sự quyết tâm cao của đội ngũ nhà giáo các cấp; sự ủng hộ của nhân dân trong việc vận động, xã hội hóa giáo dục để thực hiện cơ bản đạt được một số chỉ tiêu của Đề án.

## 3. Hạn chế

- Nhiều mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của các Đề án còn chưa đạt chiếm khá cao<sup>1</sup>.

*(Có phụ lục 1 và các biểu 1, 2, 3, 4, 5 kèm theo).*

- Nguồn kinh phí để thực hiện các Đề án chưa đảm bảo.

- Thiếu quỹ đất xây dựng sân chơi, bãi tập cho học sinh, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học thiếu đồng bộ; mạng lưới trường, lớp còn phân tán; vẫn còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.

- Công tác phối hợp giữa Sở GDĐT với UBND huyện, thành phố trong chỉ đạo thực hiện các đề án chưa đồng bộ, nhịp nhàng và chặt chẽ; Sở GDĐT chưa thật sự là đầu mối trong chỉ đạo, thực hiện các mục tiêu của các Đề án; thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, giải pháp cho phù hợp.

## 4. Nguyên nhân hạn chế

- Các Đề án đều không được bố trí nguồn kinh phí riêng để thực hiện.

- Công tác quy hoạch mạng lưới trường, lớp cho từng giai đoạn phát triển của ngành giáo dục cũng còn hạn chế.

- Việc tham mưu, đề xuất giải pháp thực hiện các đề án của các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT có mặt còn hạn chế; công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện các Đề án của Sở GDĐT với các địa phương, Phòng GDĐT các huyện, thành phố còn chưa quyết liệt và chưa thường xuyên liên tục; Phòng GDĐT chưa chủ động làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền địa

---

<sup>1</sup> Cụ thể, Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020" có 9/12 chỉ tiêu chưa đạt; Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020" có 6/7 chỉ tiêu chưa đạt.

phương tổ chức thực hiện các Đề án. Theo phân cấp quản lý, hiện nay khoảng 85% nhân sự, 91% các cơ sở giáo dục của ngành đều do cấp huyện trực tiếp quản lý, chính vì thế, vai trò chủ động của UBND cấp huyện và Phòng GDĐT trong công tác tham mưu, hoạch định để thực hiện các chỉ tiêu cụ thể của các Đề án giữ vai trò rất quan trọng.

- Một số chủ trương, chính sách và sự chỉ đạo của ngành cũng có sự thay đổi làm ảnh hưởng tiến độ kế hoạch thực hiện đề án.

#### IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

*Thứ nhất:* Trong quá trình thực hiện các Đề án cần làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức từ cán bộ đảng viên đến các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân về giáo dục và đào tạo, qua đó huy động các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia. Phát huy vai trò của các đoàn thể địa phương hỗ trợ nhà trường ngoài mục đích là góp phần hỗ trợ, bổ sung về cơ sở vật chất mà còn phối hợp trong quá trình giáo dục toàn diện học sinh.

*Thứ hai:* Các cấp Ủy địa phương ban hành những Nghị quyết chuyên đề về công tác giáo dục nói chung, nhiệm vụ nâng cao chất lượng đội ngũ, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nói riêng; nhiều nơi làm tốt công tác tham mưu đã nâng chất lượng đội ngũ và tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mang lại kết quả đó là diện mạo trường học khang trang, thân thiện, tạo cảnh quan môi trường sư phạm lành mạnh, đồng thời tạo điều kiện tiên quyết nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở từng địa phương.

*Thứ ba:* Đặc biệt quan tâm đến xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về đạo đức, phẩm chất nhà giáo, về tay nghề sư phạm. Đội ngũ phải được bồi dưỡng thường xuyên các quan điểm Nghị quyết, Chủ trương của Đảng, Nhà nước, về nghiệp vụ sư phạm, đổi mới phương pháp dạy học... là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng dạy học và hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường. Qua quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia tạo nên được khối đoàn kết tập thể, phát huy nội lực, tinh thần tự giác thi đua, lao động, học tập vươn lên theo mục tiêu giáo dục của nhà trường trong các năm học.

*Thứ tư:* Qua từng giai đoạn phát triển phải khảo sát hiện trạng trường lớp, bám sát các tiêu chuẩn quy định trong Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo để quy hoạch tổng thể mặt bằng diện tích đất, trường lớp, phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ, sân chơi, bãi tập phù hợp... Việc quy hoạch đầu tư, nhà trường cần tính toán sao cho vừa ổn định lâu dài, vừa đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ từng năm học. Việc cải tạo nâng cấp cần theo hướng chuẩn hóa, quan tâm đến mặt bằng sân chơi, thoát nước, khu vệ sinh, bố trí cây xanh, hài hòa, thân thiện, góp phần làm tăng thêm mỹ quan trường lớp, nhằm thu hút học sinh đến trường học tập ngày càng cao.

*Thứ năm:* Gắn kết việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia với các phong trào: Xây dựng xã nông thôn mới; Trường xanh, sạch, đẹp và an toàn; Trường học thân thiện, học sinh tích cực... Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua ở mỗi trường, để tổ chức và theo dõi đánh giá kết quả thực hiện hằng năm.

Có thể nói việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là một chủ trương đúng đắn của ngành Giáo dục và Đào tạo, nhằm hướng đến một nền giáo dục hoàn thiện. Việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của tỉnh trong những năm tới chính là một trong những giải pháp cụ thể và hữu hiệu thực hiện Nghị quyết 29-NQ-TW Khóa XI của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục và đào tạo.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Tỉnh ủy**

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đẩy mạnh phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh nói chung, trong đó có giáo dục; đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

### **2. Đối với HĐND tỉnh**

Ban hành Nghị quyết về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Nghị quyết về tăng cường công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để huy động toàn xã hội quan tâm đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

### **3. Đối với UBND tỉnh**

- Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét phê duyệt cho thực hiện tiếp các Đề án giai đoạn 2021-2025 như sau: (1) Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; (2) Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025".

- Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, đồng thời đầu tư kinh phí cho các huyện, thành phố có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp và đầu tư các phòng chức năng, thư viện nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, phòng bộ môn công trình, nước sạch, trang thiết bị dạy học ...đảm bảo theo chuẩn quy định.

- Cần bố trí ngân sách đầu tư xây dựng một số trường vùng ven có chất lượng để giải tỏa áp lực ở một số trường nội thành, nội thị và tạo điều kiện giảm tải học sinh để các trường đủ chuẩn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

### **4. Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh**

Quan tâm, hỗ trợ công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; phối hợp với ngành giáo dục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động các nguồn lực, tham mưu cho tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn nữa cho các đơn vị, trường học và toàn ngành phấn đấu đạt được các mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2021-2025.

### **3. Đối với UBND huyện, thành phố**

Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thường xuyên việc xây dựng trường chuẩn quốc gia đối với các trường trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, tài chính, đội ngũ,..., để các đơn vị trường học đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất. Bố trí lồng ghép kinh phí xây dựng nông thôn mới để xây dựng trường chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu đã đề ra.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. Căn cứ và đề xuất thực hiện các Đề án cho giai đoạn 2021-2025**

##### **1. Các căn cứ**

- Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Căn cứ Thông tư số 32-TT/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông, áp dụng từ năm học 2020-2021;

- Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 15/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01-NQ/TU ngày 09/012/2020 của Tỉnh Ủy Kiên Giang về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Nghị Quyết số 534/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Kiên Giang về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021; Nghị Quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Kiên Giang về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30-5-2019 của Ban Bí thư về

tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Căn cứ Quyết định 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển Giáo dục Mầm non, giai đoạn 2018-2025; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2018-2025;

## 2. Đề xuất

Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30-5-2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và các căn cứ nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt cho thực hiện tiếp các Đề án giai đoạn 2021-2025 như sau: (1) Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; (2) Đề án "Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025" trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung nội dung của các đề án tương ứng đã được phê duyệt ở giai đoạn 2016-2020.

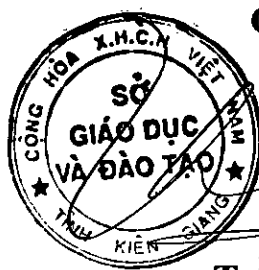
## II. GIẢI PHÁP

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho phép thực hiện các Đề án đã đề xuất ở trên, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ cụ thể các giải pháp thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thực hiện 02 Đề án của ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. /

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, Nội vụ, TT&TT;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND huyện, thành phố;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT huyện, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Bảo

## 1. Đề án "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020"

Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Đề án	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện(%)	Đánh giá	Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện của các đơn vị
1.1. Chỉ tiêu 1: Đào tạo mới 1290 sinh viên	1.034/1290	80,85	Chưa đạt	- Trường Cao đẳng sư phạm Kiên Giang.
1.2. Chỉ tiêu 2: Đào tạo lại 700 giáo viên	193/700	27,57	Chưa đạt	- Còn nhiều ở một số địa bàn huyện Hòn Đất và Gò Quao.
1.3. Chỉ tiêu 3: Đào tạo nâng chuẩn 5.147 viên chức	2.069/5147	40,2	Chưa đạt	- Đối với MN, còn nhiều ở: Gò Quao, Hà Tiên, Hòn Đất. - Đối với TH, còn nhiều ở huyện: Châu Thành, Rạch Giá, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Giồng Riềng. - Đối với THCS, còn nhiều ở một số DV trực thuộc, Rạch Giá, Hòn Đất, Gò Quao, Tân Hiệp. - Đối với THPT, còn một số đơn vị trực thuộc Sở.
1.4. Chỉ tiêu 4: Bồi dưỡng lý luận chính trị cho 1.495 viên chức	988/1495	60,09	Chưa đạt	- Đối với MN, còn nhiều ở: Hòn Đất, Tân Hiệp, Hà Tiên, UMT, Vĩnh Thuận. - Đối với Tiểu học, còn nhiều ở: Giồng Riềng, Châu Thành, Phú Quốc, Tân Hiệp. - Đối với THCS, còn nhiều ở: Giồng Riềng, Châu Thành, Hà Tiên, Hòn Đất. - Đối với THPT, còn một số đơn vị trực thuộc Sở.
1.5. Chỉ tiêu 5: Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về giáo dục cho 606 viên chức	491/606	81,02	Chưa đạt	- Đối với MN, còn nhiều ở: Hòn Đất, Giồng Riềng, Giang Thành, Kiên Hải. - Đối với TH, còn nhiều ở: An Minh, Châu Thành, Vĩnh Thuận, Hòn Đất. - Đối với THCS, còn nhiều ở: Giồng Riềng, Tân Hiệp, UMT, Hòn Đất.
1.6. Chỉ tiêu 6: Bồi dưỡng kiến thức Tin học 4.424 viên chức	3.568/4424	80,65	Chưa đạt	- Tập trung nhiều ở địa bàn: TP. Rạch Giá, Hòn Đất, An Minh, Châu Thành, Giồng Riềng
1.7. Chỉ tiêu 7: Bồi dưỡng kiến thức Ngoại ngữ cho 6.077 viên chức	4.226/6077	69,54	Chưa đạt	- Tập trung nhiều ở địa bàn: TP. Rạch Giá, An Minh, Châu Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất
1.8. Chỉ tiêu 8: Bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cốt cán, chuyên sâu 500 viên chức 2348 viên chức	2.348/500	469,6	Vượt	
1.9. Chỉ tiêu 9: Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp 9.037 viên chức	8.554/9037	94,66	Chưa đạt	Chỉ tiêu này hầu hết các đơn vị đều đạt, song một số trường hợp chưa đạt do quy định của Bộ GDĐT đối với GV mới ra trường không thuộc trường hợp bất buộc qua BD.
1.10. Chỉ tiêu 10: Bồi dưỡng thường xuyên	91.901/92.339	99,53	Chưa đạt	Hầu hết các đơn vị đều hoàn thành chỉ tiêu này, tuy nhiên do điều kiện khách quan nên một vài trường hợp chưa đạt theo chỉ tiêu của DA.

Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Đề án	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện(%)	Đánh giá	Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện của các đơn vị
1.11. Chỉ tiêu 11: Phát triển Đảng viên trong trường học đạt 50% tổng số CC, VC.	14.259/22,405	63,64	Vượt	
1.12. Chỉ tiêu 12: Tỉnh giám biên chế 1.606 người	1.619/1.606	100,8	Vượt	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN - TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2016-2020

TT	Huyện, thành phố	Tổng số trường đã đạt chuẩn QG	Trong đó:		Mầm non		Tiểu học		TH+THCS		THCS		THCS+THPT		THPT								
			Số trường	Tỷ lệ đạt	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường	Đạt chuẩn QG					
																			Số trường	Tỷ lệ đạt	Số trường	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %
1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	<b>Cộng</b>	<b>290</b>	<b>118</b>	<b>40.69</b>	<b>140</b>	<b>34</b>	<b>24.29</b>	<b>262</b>	<b>45</b>	<b>17.18</b>	<b>59</b>	<b>4</b>	<b>6.78</b>	<b>108</b>	<b>23</b>	<b>21.30</b>	<b>28</b>	<b>6</b>	<b>21.43</b>	<b>22</b>	<b>6</b>	<b>27.27</b>	
1	Rạch Giá	28	10	35.71	13	4	30.77	25	2	8.00	2		0.00	11	4	36.36	1		0.00	5		0.00	
2	Châu Thành	30	13	43.33	10	1	10.00	28	7	25.00	0			11	4	36.36	1		100.00	1		0.00	
3	Tân Hiệp	19	11	57.89	12	2	16.67	18	4	22.22	12	2	16.67	9	2	22.22	1		0.00	3		33.33	
4	Giồng Riềng	48	16	33.33	19	2	10.53	36	8	22.22	6		0.00	13	1	12.50	5		100.00	1		100.00	
5	Gò Quao	29	14	48.28	11	4	36.36	23	9	39.13				8	1	12.50	4		0.00	1		0.00	
6	An Biên	27	16	59.26	9	6	66.67	25	6	24.00	0			9	4	44.44	2		0.00	1		0.00	
7	An Minh	8	2	25.00	11	1	9.09	25	1	4.00	1		0.00	10		0.00	2		0.00	1		0.00	
8	U M Thượng	14	4	28.57	8	2	25.00	13	2	15.38	5		0.00	5		0.00	3		0.00				
9	Vĩnh Thuận	21	7	33.33	8	5	62.50	12	1	8.33	7		0.00	3		0.00	2		0.00	1		100.00	
10	Hòn Đất	30	11	36.67	14	5	35.71	26	2	7.69	6		0.00	11	3	27.27	4		0.00	2		50.00	
11	Kiên Lương	11	1	9.09	7		0.00	6		0.00	5		0.00	4		0.00	1		0.00	1		100.00	
12	Giang Thành	8	4	50.00	5		0.00	5	1	20.00	2	2	100.00	3	1	33.33	0			1		0.00	
13	Hà Tiên	12	7	58.33	4	1	25.00	6	1	16.67	3		0.00	6	4	66.67	0			1		100.00	
14	Phủ Quốc	4	1	25.00	8	1	12.50	11		0.00	9		0.00	4		0.00	0			3		0.00	
15	Kiên Hải	1	1	100.00	1		0.00	3	1	33.33	1		0.00	1		0.00	2		0.00				



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN - TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Huyện, thành phố	Thời điểm cuối 2015			Kết quả thực hiện Đề án đến cuối năm 2020																				
		Tổng số trường g	Số trường đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Tổng số trường g	Đã đạt chuẩn QG		Mầm non		Tiểu học		TH+THCS		THCS		THCS+THPT		THPT							
					Số trường g	Tỷ lệ đạt	Đạt chuẩn n QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %	Số trường g	Đạt chuẩn QG	Tỷ lệ %					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Cộng	651	172	26.42	619	290	46.85	140	63	45.00	262	135	51.53	59	4	6.78	108	73	67.59	28	6	21.43	22	22	40.91
1	Rạch Giá	57	16	28.07	57	28	49.12	13	8	61.54	25	11	44.00	2	0	0.00	11	6	54.55	1	0	0.00	5	3	60.00
2	Châu Thành	51	17	33.33	51	30	58.82	10	6	60.00	28	15	53.57	0	0	0.00	11	8	72.73	1	1	100.00	1	0	0.00
3	Tân Hiệp	61	8	13.11	55	19	34.55	12	2	16.67	18	6	33.33	12	2	16.67	9	8	88.89	1	0	0.00	3	1	33.33
4	Giồng Riềng	90	31	34.44	80	48	60.00	19	3	15.79	36	23	63.89	6	0	0.00	13	16	123.08	5	5	100.00	1	1	100.00
5	Gò Quao	51	15	29.41	47	29	61.70	11	9	81.82	23	16	69.57	0	0	0.00	8	4	50.00	4	0	0.00	1	0	0.00
6	An Biên	46	12	26.09	46	27	58.70	9	7	77.78	25	14	56.00	0	0	0.00	9	6	66.67	2	0	0.00	1	0	0.00
7	An Minh	54	6	11.11	50	8	16.00	11	2	18.18	25	6	24.00	1	0	0.00	10	0	0.00	2	0	0.00	1	0	0.00
8	UM Thượng	36	10	27.78	34	14	41.18	8	3	37.50	13	8	61.54	5	0	0.00	5	3	60.00	3	0	0.00	0	0	0.00
9	Vĩnh Thuận	36	18	50.00	33	21	63.64	8	7	87.50	12	9	75.00	7	0	0.00	3	4	133.33	2	0	0.00	1	1	100.00
10	Hòn Đất	65	18	27.69	63	30	47.62	14	9	64.29	26	12	46.15	6	0	0.00	11	8	72.73	4	0	0.00	2	1	50.00
11	Kiên Lương	26	10	38.46	24	11	45.83	7	3	42.86	6	4	66.67	5	0	0.00	4	3	75.00	1	0	0.00	1	1	100.00
12	Giang Thành	16	4	25.00	16	8	50.00	5	0	0.00	5	3	60.00	2	2	100.00	3	3	100.00	0	0	0.00	1	0	0.00
13	Hà Tiên	20	4	20.00	20	12	60.00	4	2	50.00	6	5	83.33	3	0	0.00	6	4	66.67	0	0	0.00	1	1	100.00
14	Phủ Quốc	32	3	9.38	35	4	11.43	8	2	25.00	11	2	18.18	9	0	0.00	4	0	0.00	0	0	0.00	3	0	0.00
15	Kiên Hải	10		0.00	8	1	12.50	1	0	0.00	3	1	33.33	1	0	0.00	1	0	0.00	2	0	0.00			

Ghi chú:

- Đơn vị có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 50 Huyện Vĩnh Thuận; Gò Quao; Giồng Riềng; Hà Tiên; Châu Thành; An Biên
- Đơn vị có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia thấp: Huyện Phú Quốc; Kiên Hải; An Minh; Tân Hiệp...

**Đơn vị: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG**  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN GIÁO DỤC 2016-2020**

Biểu 03

Năm	Vốn XD CB					Số phòng năm trước thi công đang dở chuyên sang (phòng)	Bố trí đầu tư				
	Tổng vốn đã bố trí XD CB cho ngành (trệu đồng)	Chia ra		Số phòng tu sửa (phòng)	Số nhà vệ sinh xây mới (nhà)		Số phòng học xây mới (phòng)	Số phòng bộ môn xây mới (phòng)			
	Nguồn ngân sách (trệu đồng)	Nguồn Xổ số kiến thiết (trệu đồng)	Nguồn ODA (trệu đồng)			Nguồn CT mục tiêu (trệu đồng)					
<b>Cộng</b>	<b>2,168,050</b>	<b>1,360,111</b>	<b>720,102</b>	<b>56,437</b>	<b>31,400</b>	<b>1,928</b>	<b>1,319</b>	<b>128</b>	<b>2,037</b>	<b>131</b>	
2016	555,132	374,243	169,889		11,000	247	405	33	537	18	
2017	525,568	345,355	166,013		14,200	397	193	24	411	76	
2018	519,155	283,239	180,916	55,000		367	441	21	541	37	
2019	351,317	207,461	143,856			410	231	40	408		
2020	216,878	149,813	59,428	1,437	6,200	507	49	10	140		



T	Tên dự án đầu tư	Nhà tài trợ	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Số phòng	Tổng vốn dự án (trệu đồng)	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Chia ra					Ghi chú
								2016	2017	2018	2019	2020	
					<b>178</b>	<b>296,941</b>	<b>174,989</b>	<b>90,500</b>	<b>49,930</b>	<b>17,000</b>	<b>7,559</b>	<b>10,000</b>	
1	THPT Võ Văn Kiệt	Techcombank	TP Rạch Giá	2015-2016	45	105,000	55,000	55,000					
2	THCS Đông Hưng B	Bộ CA vận động	An Minh	2016-2017	30	15,000	15,000	7,000	8,000				
3	THPT Vĩnh Thuận	Ngân hàng NN & PTNT	Vĩnh Thuận	2016-2017	6	10,000	10,000	2,000	8,000				
4	MG Tân Thành	-nt-	Tân Hiệp	2016-2017	5	5,000	5,000	3,000	2,000				
5	THPT Vĩnh Bình Bắc	NH Công Thương+ Ngoại Thương	Vĩnh Thuận	2014-2019	18	42,211	20,000	5,000	5,000	5,000	5,000		
6	TH và THCS Vĩnh Phú B	Nhà máy xi măng Hà Tiên 1	Giang Thành	2016-2018	16	25,000	25,000	6,000	12,000	7,000			
7	MN Hoa Hồng	Ngân hàng Công thương	TP Rạch Giá	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
8	MN An Bình	-nt-	-nt-	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
9	MN Định An	-nt-	Gò Quao	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
10	MN Phong Đông	-nt-	Vĩnh Thuận	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
11	MN Ngọc Thuận	-nt-	Giồng Riềng	2016-2017	6	5,000	5,000	2,500	2,500				
12	MG Bình Minh	SAISON CHILDREN'S CHARITY (SCC)	Vĩnh Thuận	2017	2	660	660		660				
13	MG Phong Đông	SAISON CHILDREN'S CHARITY (SCC)	Vĩnh Thuận	2017	2	660	660		660				
14	MN Vĩnh Phước A	Liên Hiệp các TC Hữu nghị Kiên Giang	Gò Quao	2017	3	700	700		700				
15	TH Vĩnh Hòa Hưng Nam 1	Liên Hiệp các TC Hữu nghị Kiên Giang	Gò Quao	2017	3	410	410		410				
16	PTCS Hòn Nghệ	Ngân Hàng NN&PTNT	Kiên Lương	2018-2019		5,000	5,000			5,000			
17	Bể bơi Trường THCS Nguyễn Du	Phụ huynh	Rạch Giá				2,559				2,559		
18	Trường Nhiều cấp học Kiên Bình	Nhà máy xi măng Insee Việt Nam	Kiên Lương	2020-2025	24	62,300	10,000					10,000	Khởi công 16/6/2020

## TỔNG HỢP TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

Biểu 05

STT	Đơn vị	Số trường đang kỳ công nhận mới đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học					Số trường đang kỳ công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học					Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT		
	<b>Cộng</b>	<b>154</b>	<b>39</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>13</b>	<b>208</b>	<b>56</b>	<b>93</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>2,335,669</b>		
1	Rạch Giá	8	3	2	3	0	17	6	5	6	0	260,000		
2	Châu Thành	4	2	2	0	0	4	1	2	1	0	30,000		
3	Tân Hiệp	11	2	2	7	0	18	2	6	10	0	157,750		
4	Giồng Riềng	28	9	10	9	0	14	3	8	3	0	280,000		
5	Gò Quao	7	1	3	3	0	28	9	15	4	0	280,500		
6	An Biên	16	2	12	2	0	26	7	13	6	0	190,000		
7	An Minh	13	5	4	4	0	8	2	6	0	0	168,100		
8	UM Thượng	3	1	1	1	0	9	3	4	2	0	50,000		
9	Vinh Thuận	9	1	4	4	0	19	7	9	3	0	55,000		
10	Hòn Đất	9	4	3	2	0	26	9	10	7	0	278,800		
11	Kiên Lương	4	2	2	0	0	11	3	4	4	0	97,900		
12	Giàng Thành	2	0	2	0	0	8	0	3	5	0	55,000		
13	Hà Tiên	2	1	0	1	0	11	2	5	4	0	155,000		
14	Phủ Quốc	24	6	8	10	0	4	2	2	0	0	250,119		
15	Kiên Hải	1	0	0	1	0	1	0	1	0	0	2,500		
16	Sở GDĐT	13				13	4				4	25,000		



**PHẦN KỶ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN TỪNG NĂM CỦA CÁC BẬC HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Năm	Số trường phân đầu công nhận mới đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học			Số trường phân đầu công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia	Chia ra các bậc học, cấp học			
		Mầm non	Tiểu học	THCS		THPT	Mầm non	Tiểu học	THCS
2021	19	7	3	7	2	8	19	6	
2022	38	11	14	9	4	15	20	14	1
2023	38	10	15	10	3	10	20	12	1
2024	30	8	10	10	2	12	15	14	1
2025	29	3	13	11	2	11	19	9	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>154</b>	<b>39</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>13</b>	<b>56</b>	<b>93</b>	<b>55</b>	<b>4</b>

